

QUAN HỆ VIỆT NAM - NHẬT BẢN NHÌN TỪ THỰC TRẠNG XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG

Ngô Hồng Diệp⁽¹⁾

(1) Trường Đại học Thủ Dầu Một

Ngày nhận bài 20/9/2022; Ngày phản biện 25/9/2022; Chấp nhận đăng 30/10/2022

Liên hệ Email: diepnh@tdmu.edu.vn

<https://doi.org/10.37550/tdmu.VJS/2022.06.352>

Tóm tắt

Việt Nam là quốc gia đang phát triển, có nguồn cung lao động dồi dào, xuất khẩu lao động đã trở thành một chiến lược quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội. Các thị trường xuất khẩu lao động của Việt Nam ngày càng được mở rộng thông qua quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới trong đó có Nhật Bản - một quốc gia đã và đang thiếu hụt nguồn lao động. Bài viết này, chúng tôi nghiên cứu thực trạng xuất khẩu lao động nhằm nhìn nhận rõ hơn mối quan hệ giữa hai quốc gia Việt Nam và Nhật Bản từ khi hai nước chính thức thiết lập quan hệ năm 1973.

Từ khóa: Nhật Bản, quan hệ, Việt Nam, xuất khẩu lao động

Abstract

VIETNAM - JAPAN RELATIONSHIPS FROM LABOR EXPORT PERSPECTIVE

Vietnam is a developing country with an abundant labor supply, labor export has become an important strategy for socio-economic development. Vietnam's labor markets are increasingly expanding through diplomatic relations with countries around the world, including Japan, a country that has been facing a labor shortage. This paper aim to study the reality of labor export in order to better understand the relationship between Vietnam and Japan since the two countries officially established relations in 1973.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam và Nhật Bản đã có mối quan hệ giao thương, gắn kết lâu đời. Mối quan hệ này đã để lại các dấu ấn tốt đẹp trong lịch sử của hai nước: Thế kỷ VIII, nhà sư Phật Triết của Việt Nam đã đến cố đô Nara của Nhật Bản để truyền đạo và tấu diễn nhã nhạc Lâm Ấp; Năm 1604, thương nhân/phái viên ngoại giao của chính quyền Mạc phủ Edo là Hunamoto Yabeiji được chúa Nguyễn Hoàng nhận làm con nuôi. Bắt đầu từ thời điểm này, các thuyền buôn và thương nhân Nhật Bản đến Thuận Hóa, Hội An làm ăn sinh sống (Nguyễn Phú Trọng, 2015); Đầu thế kỷ XX, Phan Bội Châu cùng các chí sỹ cách mạng yêu nước đã khởi xướng phong trào Đông Du với mong muốn học hỏi sự thành

công của Nhật Bản để cứu nước, cứu dân thoát khỏi cảnh lầm than, nô lệ ... Đến thời kỳ hiện đại, Việt Nam và Nhật Bản chính thức thiết lập mối quan hệ ngoại giao vào ngày 21/9/1973. Từ thời điểm này, Nhật Bản bắt đầu có những viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam. Đặc biệt từ năm 1992, quan hệ kinh tế, chính trị, giao lưu văn hóa, y tế, giáo dục... giữa hai nước được mở rộng, sự hiểu biết và tin cậy từng bước tăng lên. Đây cũng là mốc đánh dấu sự hợp tác lao động và du học có hiệu lực, lao động Việt Nam bắt đầu chuyển dịch sang làm việc và sinh sống ở Nhật Bản.

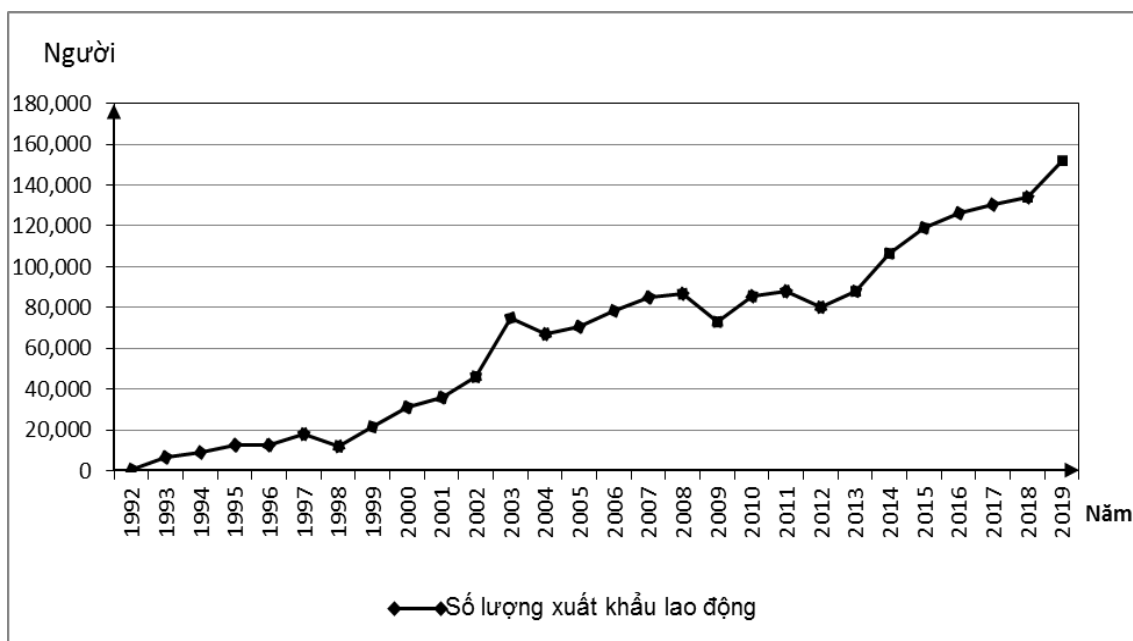
Chuyển dịch lao động mà cụ thể là xuất khẩu lao động đã được Đảng và Nhà nước Việt Nam xem là một chiến lược phát triển kinh tế - xã hội lâu dài và tăng cường mối quan hệ với các quốc gia trên thế giới. Chính vì vậy, xuất khẩu lao động Việt Nam sang Nhật Bản đã trở thành một lĩnh vực quan trọng trong mối quan hệ nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, giao lưu hiểu biết giữa nhân dân hai nước. Trong bài viết này chúng tôi lập luận rằng, quan hệ giữa Việt Nam và Nhật Bản càng trở nên tốt đẹp thì lực lượng lao động của Việt Nam tại Nhật Bản càng đông. Chính vì vậy, chúng tôi tập trung nghiên cứu quá trình và thực trạng xuất khẩu lao động của Việt Nam, cụ thể là xuất khẩu lao động sang Nhật Bản nhằm nhận định rõ hơn mối quan hệ của hai đất nước.

2. Thực trạng xuất khẩu lao động của Việt Nam

Xuất khẩu lao động đã giải quyết việc làm cho lao động Việt Nam, tăng số lượng ngoại tệ, góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và phát triển kinh tế - xã hội cho đất nước. Nhà nước Việt Nam đã bắt đầu xuất khẩu lao động từ những năm 80 của thế kỷ trước nhưng với số lượng ít. Nghị định số 370/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 09 tháng 11 năm 1991: *Nghị định ban hành Quy chế về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài*, trong đó Điều 1 nêu rõ: “Đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài là một hướng giải quyết việc làm, tạo thu nhập cho người lao động và tăng nguồn ngoại tệ cho đất nước; góp phần tăng cường quan hệ hợp tác kinh tế - văn hóa khoa học kỹ thuật giữa Việt Nam với những nước sử dụng lao động theo nguyên tắc bình đẳng, hai bên cùng có lợi, tôn trọng pháp luật và truyền thống dân tộc của nhau”. Sau nghị định này, để nhấn mạnh tầm quan trọng của xuất khẩu lao động như là một chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao hợp tác với các nước, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều nghị định, thông tư, chỉ thị về xuất khẩu lao động, và kỳ họp Quốc hội khóa XI đã thông qua Luật lao động sửa đổi có điều 134, 135 và 184 đề cập đến vấn đề xuất khẩu lao động, bộ luật này có hiệu lực từ ngày 1/1/1995. Những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đã tạo điều kiện thúc đẩy xuất khẩu lao động cũng như quản lý tốt hơn các chiến lược này.

Xuất khẩu lao động Việt Nam những năm 80 của thế kỷ XX chủ yếu đến thị trường Liên Xô và Đông Âu, nhưng sau khi hệ thống xã hội chủ nghĩa ở đây sụp đổ năm 1991, Việt Nam mất thị trường lao động. Để thực hiện xuất khẩu lao động, Việt

Nam đã thiết lập và mở rộng thị trường trong bối cảnh mở rộng quan hệ quốc tế. Kết quả, năm 1992 Việt Nam chỉ xuất khẩu 1031 lao động nhưng đến hết năm 2019 con số này đã tăng lên nhanh chóng với 152.530 lao động (Hình 1).



Hình 1. Quy mô lao động Việt Nam xuất khẩu ra nước ngoài từ 1992 đến 2020
 Nguồn: Niên giám thống kê lao động, người có công và xã hội từ 1993-2018
 và Báo cáo của Hiệp hội Xuất khẩu lao động Việt Nam

Hình 1 cho thấy số lượng lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài có xu hướng tăng mạnh đặc biệt là trong những năm gần đây. Điều này chứng tỏ trong tiến trình hội nhập quốc tế, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã rất nỗ lực thiết lập và mở rộng quan hệ ngoại giao một cách sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực. Tận dụng nguồn lao động trẻ, dồi dào, Việt Nam đã đẩy mạnh xuất khẩu lao động để tạo việc làm và phát triển kinh tế - xã hội. Năm 1991, với Nghị định số 370/HĐBT, Bộ Lao động – thương binh và Xã hội, Hiệp hội Xuất khẩu Lao động Việt Nam vừa tìm thị trường, vừa tổ chức đào tạo nghề cho lao động. Đến năm 1992 trở đi số lượng lao động tăng lên trong mỗi năm. Những năm có số lượng lao động tăng nhanh là năm 2003 với 75000 người chủ yếu sang thị trường Đài Loan (29069 người), Malaysia (38227 người). Đặc biệt, từ năm 2014 đến năm 2019, trung bình mỗi năm có trên 120 000 người, họ đến các thị trường chính như Nhật Bản, Đài Loan và Hàn Quốc. Chỉ tính riêng năm 2019 có đến 152.530 lao động (Nhật Bản: 82.703 người; Đài Loan: 54.480 người; Hàn Quốc: 7.215 người) (bảng 1). Sự tăng trưởng mạnh mẽ này là kết quả của việc đẩy mạnh quan hệ hợp tác sâu và rộng giữa Việt Nam và các quốc gia trên thế giới trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Mặc dù vậy, nhìn vào hình 1, số lượng lao động Việt Nam xuất ngoại cũng có những biến động. Sự biến động này diễn ra bởi các vấn đề khu vực và toàn cầu: Cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ năm 1997-1998 ở châu Á, bắt đầu từ Thái Lan. Cuộc

khủng hoảng này làm cho GDP của các nước giảm sút kéo theo nhu cầu lao động cũng giảm, điều này đã làm cho số lượng lao động Việt Nam giảm từ 18740 năm 1997 xuống còn 12240 năm 1998; Năm 2002-2003 dịch viêm đường hô hấp cấp (SARS) bắt đầu ở Trung Quốc rồi lan rộng gây ảnh hưởng cho hơn 30 quốc gia và vùng lãnh thổ, đặc biệt là vùng Đông Bắc Á. Việc xuất khẩu lao động Việt Nam cũng bị ảnh hưởng và giảm sút, với 75000 lao động năm 2003 giảm còn 67447 lao động; Cuộc khủng hoảng kinh tế ở Mỹ năm 2008 đã ảnh hưởng đến nhiều quốc gia đặc biệt là các cường quốc kinh tế, nhiều nhà máy đóng cửa nên nhu cầu lao động thấp, lao động Việt Nam ra nước ngoài làm việc năm 2008 là 86990 nhưng năm 2009 chỉ có 73028 người; Cuộc khủng hoảng chính trị ở Lybia năm 2011 dẫn đến số lượng lao động của Việt Nam làm việc tại Lybia và Trung Đông, châu Phi giảm 88298 (2011) xuống còn 80320 (2012). Sau thời gian này, số lượng lao động Việt Nam xuất khẩu tăng rất nhanh và đến nay đại dịch SARS COVID 2 bùng nổ cuối năm 2019 đã gây ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu, lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài giảm mạnh từ 152530 (2019) xuống còn 54370 (tháng 11/2020) (Hiệp hội Xuất khẩu lao động, 2021).

Các vấn đề toàn cầu và khu vực xảy ra không những gây suy thoái kinh tế mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến tất cả các lĩnh vực của các quốc gia. Nhu cầu lao động của các thị trường trên thế giới thấp làm cho xuất khẩu lao động của Việt Nam giảm xuống rõ rệt. Tuy nhiên, sau khi kinh tế thế giới phát triển ổn định số lượng lao động Việt Nam ra nước ngoài làm ăn sinh sống lại tăng và có những năm tăng rất nhanh ở các thị trường, đặc biệt là Nhật Bản.

3. Quan hệ giữa hai quốc gia Việt Nam - Nhật bản từ góc độ xuất khẩu lao động

Việt Nam và Nhật Bản chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao vào ngày 21/9/1973. Lúc này, Việt Nam đang trong cuộc đấu tranh giải phóng đất nước nên mối quan hệ này phát triển chậm nhưng Nhật Bản vẫn có những viện trợ không hoàn lại đối với Việt Nam. Sau năm 1975, chúng ta phải vừa xây dựng tổ quốc vừa bảo vệ chiến tranh biên giới Tây Nam. Trong giai đoạn này, Nhật Bản có sự hiểu nhầm về việc Việt Nam giúp đỡ Campuchia thoát khỏi thảm họa diệt chủng Pol pot, nên phong trào ủng hộ Việt nam tại Nhật Bản giảm sút, các khoản viện trợ cắt giảm. Sau khi Việt Nam thực hiện chính sách Đổi mới, đặc biệt từ năm 1992 Nhật Bản mới quay lại viện trợ cho Việt Nam, tạo điều kiện phát triển các mối quan hệ kinh tế chính trị, giao lưu văn hóa, giáo dục... Cũng từ năm này Nhật Bản mới bắt đầu tiếp nhận lao động Việt Nam.

Việt Nam là nước có nguồn cung lao động dồi dào, thiếu việc làm trong khi đó Nhật Bản lại là quốc gia có tỉ lệ dân trên độ tuổi lao động ngày càng cao. Trung bình cứ 40 năm dân số Nhật Bản lại giảm 40 triệu người. Nhật Bản đang rơi vào tình trạng thiếu hụt lao động trầm trọng. Vì vậy, để duy trì việc phát triển kinh tế thì nhập khẩu lao động là chính sách chiến lược và Việt Nam trở thành thị trường cung cấp nguồn lao động tiềm năng mà

Nhật Bản hướng tới. Sau khi quan hệ giữa hai nước được đẩy mạnh, Nhật Bản tiếp nhận lao động Việt Nam (122 người năm 1993) để bổ sung cho nguồn lao động bị thiếu hụt. Xu hướng xuất khẩu lao động sang Nhật Bản ngày càng được nhiều người lựa chọn và số lượng lao động làm việc tại Nhật Bản ngày càng tăng (82703 người năm 2019) (Bảng 1).

Bảng 1. Quy mô, tỉ lệ lao động Việt Nam sang Nhật Bản và một số thị trường khác từ năm 1993 đến năm 2019

NĂM	YẾU TỐ	TỔNG	NHẬT BẢN	ĐÀI LOAN	HÀN QUỐC	THỊ TRƯỜNG KHÁC
1993	Quy mô (người)	6657	122	0	3309	3226
	Tỷ lệ (%)	100	1.83	0.0	49.70	48.47
1995	Quy mô (người)	12849	433	52	9561	2803
	Tỷ lệ (%)	100	3.37	0.40	74.41	21.81
1998	Quy mô (người)	12240	1896	1697	1500	7147
	Tỷ lệ (%)	100	15.49	13.86	12.25	58.39
2001	Quy mô (người)	36168	3249	7782	3910	21227
	Tỷ lệ (%)	100	8.98	21.52	10.81	58.69
2004	Quy mô (người)	67447	2750	37144	4779	22774
	Tỷ lệ (%)	100	4.08	55.07	7.09	33.77
2007	Quy mô (người)	85020	5517	23640	12187	43676
	Tỷ lệ (%)	100	6.49	27.81	14.33	51.37
2010	Quy mô (người)	85546	4913	28499	8628	43506
	Tỷ lệ (%)	100	5.74	33.31	10.09	50.86
2013	Quy mô (người)	88155	9688	46368	5446	26653
	Tỷ lệ (%)	100	10.99	52.60	6.18	30.23
2016	Quy mô (người)	126296	39938	68244	8442	9672
	Tỷ lệ (%)	100	31.62	54.03	6.68	7.66
2019	Quy mô (người)	152530	82703	5448	7215	57164
	Tỷ lệ (%)	100	54.22	3.57	4.73	37.48

Nguồn: Niên giám thống kê lao động, người có công và xã hội từ 1993-2018 và Báo cáo của Hiệp hội Xuất khẩu lao động Việt Nam

Sau khi Nhật Bản nối lại quan hệ trên nhiều lĩnh vực với Việt Nam, năm 1992 Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Việt Nam đã ký kết chương trình hợp tác với tổ chức Hợp tác tu nghiệp quốc tế Nhật Bản (JITCO - Japan International Training Cooperation Organization). Đây là chương trình đầu tiên đưa lao động Việt Nam sang học tập và làm việc tại Nhật Bản. Chương trình này đã hỗ trợ, đào tạo tay nghề giúp lao động Việt Nam tiếp cận với kỹ thuật mới, công nghệ hiện đại. Đồng thời nâng cao tay nghề để sau khi hoàn thành thời hạn hợp đồng quay về có thể áp dụng vào lĩnh vực sản xuất trong nước. Từ những nỗ lực trong công tác ngoại giao cũng như chương trình hợp tác này, 122 lao động Việt Nam đã bắt đầu sang làm việc tại Nhật Bản (năm 1993).

Nhằm tăng cường mối quan hệ, hai nước bắt đầu thực hiện các chuyến viếng thăm cấp cao nhằm nghiên cứu, xem xét đưa quan hệ hai nước lên tầm cao mới. Đầu tiên là

chuyến viếng thăm chính thức Nhật Bản của Thủ tướng Võ Văn Kiệt vào năm 1993. Năm 1994, thủ tướng Nhật Bản Murayama – Thủ tướng Nhật Bản đầu tiên thăm Việt Nam, sau đó là rất nhiều chuyến thăm cấp cao khác. Vì vậy, Từ khuôn khổ quan hệ “*Đối tác tin cậy, ổn định lâu dài*” năm 2002, quan hệ giữa hai nước đã nâng lên thành “*Đối tác chiến lược sâu rộng vì hòa bình và phồn vinh ở châu Á*” năm 2014. Tháng 9 năm 2015, hai nước đã ra Tuyên bố về “*Tầm nhìn chung quan hệ Việt Nam - Nhật Bản*” nhân chuyến thăm Nhật Bản của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Đây là mốc quan trọng đánh dấu giai đoạn phát triển tốt đẹp chưa từng có trong mối quan hệ song phương Việt Nam - Nhật Bản trên tất cả các lĩnh vực.

Chứng minh cho mối quan hệ này, số liệu lao động Việt Nam làm việc tại Nhật Bản đã thể hiện rõ ở bảng 1. Con số này cũng chứng minh rằng mối quan hệ giữa hai nước ngày càng sâu và rộng thì lao động Việt Nam đến Nhật Bản làm việc mỗi năm lại tăng lên. Năm 1993 chỉ 122 người, chiếm 1.83% trong tổng số lượng lao động Việt Nam xuất ngoại, ít hơn nhiều so với Hàn Quốc (3309 người, chiếm gần 50 %) – một thị trường xuất khẩu lao động được ưa chuộng của lao động Việt nam. Sau 5 năm (1998), có 1896 lao động chọn Nhật Bản, con số này đã nhiều hơn so với 1500 người chọn Hàn Quốc. Năm 2002, trong bối cảnh dịch viêm đường hô hấp cấp diễn ra, nền kinh tế các nước Đông Bắc Á bị ảnh hưởng nghiêm trọng, xuất khẩu lao động Việt Nam sang Nhật Bản giảm 1000 lao động so với năm 2001 (2001: 3249 người; 2002: 2202 người; 2003: 2256 người; năm 2006 tăng lên 5356 người).

Năm 2005, thỏa thuận chương trình cho tu nghiệp sinh Việt Nam sang làm việc tại Nhật Bản ký giữa Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và Hiệp hội phát triển nhân lực quốc tế các doanh nghiệp vừa và nhỏ Nhật Bản (IMM Japan) nay là Tổ chức phát triển nguồn lực quốc tế Nhật Bản (IM Japan). Theo chương trình này, Nhật Bản sẽ hỗ trợ đào tạo kiến thức cần thiết miễn phí cho các thanh niên trẻ các huyện nghèo để đáp ứng đủ điều kiện tham gia chương trình Thực tập sinh kỹ năng tại Nhật Bản. Năm 2013, IM Japan đã quyên góp được số tiền 15 triệu Yên dùng để đào tạo miễn phí cho thanh niên nghèo Việt Nam. Cũng từ đây, rất nhiều thanh niên nghèo ở vùng sâu vùng xa của Việt Nam có điều kiện xuất khẩu lao động, thay đổi chiến lược sinh kế, xóa được đói, giảm được nghèo và nâng cao chất lượng đời sống cho gia đình.

Ngày 25 tháng 12 năm 2008, Việt Nam và Nhật Bản ký kết *Hiệp định đối tác kinh tế Việt – Nhật* (VJEPA-Vietnam-Japan Economic Partnership Agreement) nhằm đảm bảo khuôn khổ pháp lý toàn diện, ổn định và thuận lợi cho hoạt động thương mại, dịch vụ và đầu tư của hai nước. Hiệp định có hiệu lực từ ngày 01/10/2009. Trong các nội dung đàm phán của hiệp định thì di chuyển thể nhân (MNP - được ký ngày 19/11/2012 tại Phnom Penh, Campuchia với mục tiêu dỡ bỏ đáng kể các rào cản đối với việc di chuyển tạm thời qua biên giới của các thể nhân tham gia vào thương mại hàng hóa, dịch vụ) - một trong những Hiệp định cơ bản của AEC là vấn đề hai bên rất quan tâm, đặc biệt là việc hợp tác đưa các lao động trong ngành y tế (điều dưỡng, hộ lý và y tá) sang làm việc tại Nhật Bản để đáp ứng với nhu cầu lao động thiếu hụt ở các viện lão trên toàn

đất nước này. Chính vì vậy, Nhật Bản đã viện trợ ODA cho Việt Nam để đào tạo lao động y tế ước tính khoảng 200-300 người. Từ năm 2012 đến 2019 đã có 1109 lao động y tế làm việc tại Nhật Bản theo chương trình VJEP (Nguyễn Thị Bình, 2020). Cùng với nhu cầu lao động trong lĩnh vực y tế, thì lao động trong các lĩnh vực khác cũng là một sự thiếu hụt của Nhật Bản, vì vậy, Nhật Bản cũng cam kết trong vòng một năm sẽ thảo luận với phía Việt Nam vấn đề di chuyển thể nhân ở phạm vi rộng hơn, bao gồm cả các đối tượng khác ngoài lĩnh vực y tế.

Đến năm 2015, hai nước đã ra Tuyên bố về “*Tầm nhìn chung quan hệ Việt Nam - Nhật Bản*”, quan hệ giữa hai nước trở nên toàn diện và tốt đẹp. Năm 2017, hai nước ra Tuyên bố chung về việc làm sâu sắc hơn quan hệ *Đối tác chiến lược sâu rộng Việt Nam - Nhật Bản* trong chuyến thăm chính thức Nhật Bản của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc vào tháng 6/2017. Trong 14 văn kiện được trao đổi, ký kết giữa các bộ, ban ngành, có *Bản ghi nhớ hợp tác về chế độ thực tập sinh kỹ năng (MOC)* giữa hai nước được ký kết giữa Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội Việt Nam và Bộ Lao động - Y tế - Phúc lợi Nhật Bản. Đây là bản thỏa thuận đầu tiên được ký kết giữa chính phủ Việt Nam và chính phủ Nhật Bản trên lĩnh vực xuất khẩu lao động và cũng là Bản thỏa thuận đầu tiên mà chính phủ Nhật Bản ký với các nước đưa lao động đến Nhật. Điều này đã chứng minh mối quan hệ giữa hai quốc gia đang ở giai đoạn tốt nhất trong lịch sử. Nhờ vậy, số lượng lao động Việt Nam tại Nhật Bản tăng lên nhanh chóng từ năm 2015 đến năm 2019 (2015: 27010 người; 2016: 39938 người; 2017: 54504 người; 2018: 68737 người và năm 2019: 82703 người, chiếm 54,22% tổng số lao động). Những con số này cùng với số liệu Bảng 1 cho thấy, xu hướng xuất khẩu lao động Việt Nam sang Nhật Bản ngày càng phổ biến đối với lao động Việt Nam. Nhật Bản được thực tập sinh Việt Nam xem là thị trường tiềm năng và rất hấp dẫn. Họ đã chuyển hướng từ các thị trường truyền thống “hot” như Đài Loan và Hàn Quốc sang Nhật Bản. Năm 2020, cả thế giới chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid 19, xuất khẩu lao động Việt Nam giảm xuống còn 42.837 người (9/2020), trong đó, số lượng thực tập sinh sang Nhật Bản vẫn là đông nhất: 22.195 người (chiếm 51,81% tổng số lao động xuất khẩu). Hiện nay, có trên 401.326 số người Việt Nam đang sinh sống, học tập và làm việc tại Nhật Bản, đông thứ 2 sau Trung Quốc (khoảng 418.327 người) (Thông tấn xã Việt Nam, 2021).

Như vậy, Xuất khẩu lao động cũng là một lĩnh vực thể hiện mối quan hệ giữa Việt Nam và Nhật Bản là đối tác quan trọng của nhau, có nhiều lợi ích cơ bản tương đồng. Việt Nam khẳng định Nhật Bản tiếp tục là đối tác quan trọng hàng đầu và lâu dài. Nhật Bản khẳng định coi trọng vị trí của Việt Nam trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

4. Kết luận

Xuất khẩu lao động là một chiến lược nhằm phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Sau khi thực hiện Đổi mới đất nước, chiến lược xuất khẩu lao động được đẩy mạnh và số lượng tăng lên không ngừng, đặc biệt giai đoạn từ năm 2015 đến 2019.

Trong số các thị trường lao động, Nhật Bản là thị trường tiềm năng, ngày càng được nhiều lao động Việt Nam lựa chọn với hơn 50% tổng số lao động xuất khẩu sang thị trường này vào năm 2019, 2020. Có được kết quả này là sự nỗ lực trong phát triển quan hệ giữa hai quốc gia Việt Nam - Nhật Bản. Các văn kiện, chương trình được ký kết giữa các bộ, ban ngành của hai quốc gia về vấn đề dịch chuyển lao động diễn ra đã đẩy mạnh việc đưa người Việt Nam sang học tập, làm việc và sinh sống tại Nhật Bản. Lao động Việt Nam đã góp phần bổ sung quan trọng cho sự thiếu hụt nhân lực của Nhật Bản trong hầu hết các ngành, nghề, giúp đất nước đối tác tăng trưởng kinh tế ổn định. Dịch chuyển lao động là nguồn tài sản quý, là cầu nối vun đắp cho quan hệ hai nước trong các thập niên vừa qua và nhiều thập niên tới. Đây cũng là biểu tượng sinh động của mối quan hệ hợp tác hai bên cùng có lợi đang ngày càng phát triển giữa hai nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2000). Niên giám thống kê lao động, thương binh và xã hội năm 2009. NXB Lao động - Xã hội.
- [2] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2006). Niên giám thống kê lao động, người có công và xã hội năm 2005. NXB Lao động - Xã hội.
- [3] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2012). Niên giám thống kê lao động, người có công và xã hội năm 2006-2010. NXB Lao động - Xã hội.
- [4] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2019). Niên giám thống kê lao động, người có công và xã hội năm 2011-2018. NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.
- [5] Hiệp hội xuất khẩu lao động Việt Nam (2020). Số liệu lao động đi làm việc ở nước ngoài 11 tháng năm 2020. http://vamas.com.vn/so-lieu-lao-dong-di-lam-viec-o-nuoc-ngoai-11-thang-nam-2020_t221c655n44836.
- [6] Hội đồng Bộ trưởng (1991). Nghị định ban hành Quy chế về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Số 370/HĐBT, ngày 9/11/1991.
- [7] Nguyễn Danh Tuấn (2017). Xuất khẩu lao động của Việt Nam sang các nền kinh tế Đông Bắc Á. *Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương*, số 493.
- [8] Nguyễn Phú Trọng (2015). Tầm nhìn về phát triển quan hệ Việt Nam - Nhật Bản vì hòa bình và phồn vinh châu Á. *Báo Quân đội nhân dân*. <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/tin-tuc/tam-nhin-ve-phat-trien-quan-he-viet-nam-nhat-ban-vi-hoa-binh-va-phon-vinh-o-chau-a-255946>.
- [9] Nguyễn Thùy Linh (2020). Ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế, xung đột khu vực, dịch bệnh toàn cầu tới hoạt động xuất khẩu lao động của Việt Nam (1991-2016). *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á*, số 4.
- [10] Phạm Thị Bình (2020). Nhật Bản - thị trường tiềm năng cho lao động điều dưỡng hộ lý Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 5.
- [11] Phạm Thị Vân Anh (2017). Xuất khẩu lao động Việt Nam - thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Kinh tế Châu á - Thái Bình Dương*, số 494.
- [12] Thông tấn xã Việt Nam (2021). Việt Nam đứng thứ hai về số lượng lao động làm việc ở Nhật Bản. <https://baoquocte.vn/viet-nam-dung-thu-hai-ve-so-luong-lao-dong-lam-viec-o-nhat-ban-108727.html>.